

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
(Áp dụng từ năm học 2019 – 2020)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
(Áp dụng từ năm học 2019 – 2020)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-HIU ngày 16 tháng 3 năm 2020
của Hiệu Trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**
Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo : **QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**
Mã ngành : **7510601**
Tên tiếng Anh : **Industrial Management**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản lý công nghiệp (QLCN) trong lĩnh vực quản lý tạo điều kiện để các sinh viên phát triển ra trường có khả năng phối hợp với cán bộ kỹ thuật trong việc tổ chức, điều hành doanh nghiệp. Cùng với việc áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, chương trình đào tạo cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có ý chí lập thân, lập nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm, tác phong văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề, có trình độ chuyên môn cao để góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho cả nước.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tham gia quản lý doanh nghiệp, nhà xưởng, xây dựng và hoạch định được chiến lược sản xuất và kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó nhờ vào phương pháp giảng dạy mới chú trọng thực hành sinh viên sẽ phát triển được các kỹ năng tư duy, phản biện, phân tích, tổng hợp và xử lý các vấn đề một cách logic. Ngoài ra thiết kế chương trình giúp sinh viên có thể phát triển các kỹ năng giao tiếp ngành nghề, làm việc nhóm, quản lý nhóm, phong cách làm việc chuyên nghiệp...

1.2. Chuẩn đầu ra

Theo định hướng của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng cũng như định hướng phát triển đặc biệt là vùng Đông Nam Bộ nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Trường đang cố gắng hoàn thiện và theo đuổi việc xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp (QLCN) tham khảo theo phương pháp tiếp cận CDIO. Ngành Quản lý công nghiệp có chuẩn đầu ra được xây dựng theo phương pháp tiếp cận CDIO như sau:

C1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN CHUYÊN NGÀNH

C1.1. KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN

- C1.1.1. Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ngoại ngữ căn bản phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- C1.1.2. Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên, các phương pháp nghiên cứu đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- #### C1.2. KIẾN THỨC NỀN TẢNG CỐT LÕI
- C1.2.1. Kiến thức về những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô và vĩ mô.
- C1.2.2. Kiến thức cơ bản về lập mô hình bài toán từ các tình huống kinh doanh thực tế; sử dụng các phương pháp giải những bài toán để đưa ra các phương pháp vận hành hệ thống sản xuất/dịch vụ tối ưu cho doanh nghiệp.
- C1.2.3. Kiến thức về xác suất và phân phối xác suất; ứng dụng excel và thống kê mô tả; kiến thức về ước lượng và kiểm định những bài toán kinh tế.
- C1.2.4. Kiến thức về hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến; ước lượng được những mối liên hệ kinh tế và thực hiện những dự báo các thông số kinh tế.
- C1.2.5. Kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị để đạt được mục tiêu của tổ chức.

- C1.2.6. Kiến thức về cách thức vận hành của các loại hệ thống sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, tính toán lượng tồn kho tối ưu trong hoạt động quản lý và điều hành sản xuất công ty.
- C1.2.7. Kiến thức về quản trị marketing của doanh nghiệp; nghiên cứu mở rộng phạm vi hoạt động, phân tích người tiêu thụ; hoạch định sản phẩm; hoạch định giá; hoạch định phân phối; hoạch định xúc tiến; tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp.
- C1.2.8. Kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng, các công cụ đánh giá chất lượng trong doanh nghiệp, xây dựng và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng toàn diện.
- C1.2.9. Kiến thức về quản lý thời gian, chất lượng, chi phí của dự án; kiến thức về quản trị rủi ro.
- C1.2.10. Kiến thức về vai trò của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; các khái niệm căn bản của các thành phần trong hệ thống thông tin; cách thức triển khai hệ thống thông tin phục vụ trong quản trị trong doanh nghiệp.
- C1.2.11. Kiến thức cơ bản về thu hút, đào tạo phát triển và duy trì nguồn lực bên trong tổ chức; kiến thức về hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tổ chức, cấu trúc tổ chức và văn hóa tổ chức.
- C1.2.12. Kiến thức về từ vựng anh văn chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý công nghiệp.
- C1.2.13. Kiến thức về an toàn lao động trong môi trường công nghiệp.
- C1.3. KIẾN THỨC NỀN TẢNG CHUYÊN NGÀNH NÂNG CAO*
- C1.3.1. Kiến thức về mối quan hệ và cách thức một chuỗi cung ứng của doanh nghiệp liên quan đến nhà cung cấp, doanh nghiệp sản xuất, hệ thống phân phối, khách hàng.
- C1.3.2. Kiến thức về một số phương thức tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất.
- C1.3.3. Kiến thức về lập chiến lược và thực thi chiến lược, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng.

V
INC
HO
CT
BÀ
★

- C1.3.4. Kiến thức về phân tích dự án như phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật công nghiệp, phân tích nhân lực, phân tích tài chính, phân tích rủi ro; kiến thức về các chỉ tiêu tài chính, kinh tế để lựa chọn dự án.
- C1.3.5. Kiến thức về phong cách lãnh đạo, tâm lý lãnh đạo, việc sử dụng quyền hạn quyền lực.
- C1.3.6. Kiến thức về quản lý chiến lược các hoạt động trong sản xuất và kinh doanh.
- C1.3.7. Kiến thức hỗ trợ giúp sinh viên tự hoàn thiện và tự định hướng nghề nghiệp bản thân

C2. KỸ NĂNG VÀ TỐ CHẤT CÁ NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

C2.1. LẬP LUẬN CHUYÊN NGÀNH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

- Nhận diện các tình huống kinh tế, dự kiến được kế hoạch thực hiện.
- Nhận diện được các giả thiết để đơn giản hóa các hệ thống và môi trường phức tạp, lựa chọn được các mô hình ý niệm và định tính.
- Giải thích được mức độ quan trọng, giới hạn và khuynh hướng; xác định được các phép kiểm tra về tính đồng nhất và sai số.

C2.2. THỬ NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC

- Xây dựng được những bảng câu hỏi, xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu, xác định được kích cỡ mẫu.
- Xác định phương pháp chọn mẫu, tiến hành điều tra, phân tích dữ liệu và phục vụ cho việc nghiên cứu dữ liệu cho mô hình.
- Lựa chọn chiến lược nghiên cứu tài liệu, tận dụng việc tra cứu và xác định thông tin bằng cách sử dụng các công cụ thư viện (tài liệu trên mạng, các cơ sở dữ liệu, công cụ tìm kiếm); xác định chất lượng và độ tin cậy của thông tin, chỉ ra những nội dung chính yếu và điểm mới hàm chứa thông tin, chỉ ra những trích dẫn về tài liệu tham khảo.
- Thảo luận tính hợp lý của dữ liệu trong thống kê, những giới hạn của dữ liệu được sử dụng, giải thích các kết luận được chứng minh, các nhu cầu và giá trị.

C2.3. SUY NGHĨ TẦM HỆ THỐNG

- Xác định và định nghĩa một hệ thống, sự ứng xử và các thành phần của nó; sử dụng những phương pháp tiếp cận liên ngành để đảm bảo rằng hệ thống được hiểu từ mọi phía liên quan; liên hệ bối cảnh kinh tế xã hội, doanh nghiệp, và

kỹ thuật của hệ thống; xác định những sự tương tác bên ngoài lên hệ thống và ứng xử của hệ thống.

- Áp dụng các khái niệm tóm tắt cần thiết để định nghĩa và lập mô hình hệ thống, xác định các đặc tính vận hành và chức năng phát sinh từ hệ thống, nhận thức được sự thích nghi với những biến đổi theo thời gian.
- Xác định và phân loại tất cả các nhân tố liên quan đến toàn bộ hệ thống; phân tích các sự phân bổ nguồn lực để giải quyết các vấn đề chính; phân tích ưu nhược điểm và chọn giải pháp cân bằng; lựa chọn và sử dụng các phương pháp cân bằng nhiều yếu tố khác nhau; giải quyết các mâu thuẫn và tối ưu hóa toàn bộ hệ thống; đánh giá những cải tiến có thể đạt được trong quá trình suy nghĩ tầm hệ thống.

C2.4. KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CÁ NHÂN

- Đề xuất các phương án và nhận diện rủi ro của các phương án cho việc đề xuất đề án; phân tích được các lợi điểm, các rủi ro tiềm năng và kết quả đạt được của một hành động.
- Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, sự sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác.
- Thể hiện khả năng tổng hợp và tổng quát hóa về một vấn đề, trình bày được vấn đề trong bối cảnh xã hội và công nghệ.
- Lựa chọn được những lý lẽ và các giải pháp logic, đánh giá chứng cứ hỗ trợ, kiểm tra các giả thiết và kết luận.
- Mô tả các kỹ năng, mối quan tâm, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; thảo luận về giới hạn những khả năng, trách nhiệm và cho sự vươn lên của bản thân để khắc phục những điểm yếu quan trọng.
- Thảo luận những động cơ tự học liên tục, thể hiện các kỹ năng tự học hỏi.
- Thảo luận việc sắp xếp nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên; sắp xếp tầm quan trọng và/ hay tính cấp bách của các nhiệm vụ.



C2.5. CÁC KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CHUYÊN NGHIỆP

- Thể hiện được các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, nhận thức rằng sai lầm là có thể chấp nhận được, nhưng phải có trách nhiệm với sai lầm đó; thể hiện được sự cam kết để phục vụ.
- Thảo luận về phong cách chuyên nghiệp, xác định được các phong tục quốc tế và tập quán tiếp xúc trong giao tiếp, thể hiện khả năng nghề nghiệp một cách chuyên nghiệp.
- Thảo luận được tầm nhìn cá nhân cho tương lai của mình, giải thích được việc tạo mạng lưới quan hệ với những người chuyên nghiệp; xác định được các kỹ năng chuyên nghiệp cần có.
- Thảo luận được sự tác động tiềm năng của những khám phá khoa học mới, mô tả được tác động kinh tế - xã hội, chỉ ra được các mối liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn.

C3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP

C3.1. LÀM VIỆC THEO NHÓM

- Lựa chọn các thành viên để hình thành nhóm, đề ra các nguyên tắc hoạt động trong nhóm.
- Xác định các mục tiêu và công việc cần làm, đưa ra kế hoạch, phân công công việc hợp lý để duy trì hoạt động nhóm.
- Khả năng tương tác với các nhóm khác.
- Đánh giá hiệu quả công việc và đóng góp của các thành viên.

C3.2. GIAO TIẾP

- Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng hình thức trực tiếp hay gián tiếp.
- Thực hành chuẩn bị thuyết trình và phương tiện hỗ trợ với ngôn ngữ, phong cách, thời gian và cấu trúc phù hợp; sử dụng các phương tiện giao tiếp không bằng văn bản hay lời nói (cử chỉ, ánh mắt, cơ thể); lựa chọn trả lời các câu hỏi một cách hiệu quả.

C3.3. GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ

Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp; Nghe hiểu các nội dung trong các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế; vận dụng tiếng Anh học thuật trong công việc.

C4. HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI

C4.1. BỐI CẢNH BÊN NGOÀI XÃ HỘI

- C4.1.1. Khái quát được các mục tiêu và vai trò ngành nghề quản lý công nghiệp, làm sáng tỏ trách nhiệm của cử nhân quản lý công nghiệp đối với xã hội;
- C4.1.2. Hiểu rõ tác động của chuyên ngành Quản lý công nghiệp đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xã hội.
- C4.1.3. Có kiến thức và luôn cập nhật về bối cảnh kinh tế xã hội.
- C4.1.4. Giải thích được những điểm tương đồng và khác biệt trong các tập quán văn hóa chính trị, xã hội, kinh tế; hiểu rõ các mối quan hệ kinh tế quốc tế.

C4.2. BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH

- C4.2.1. Tôn trọng các văn hóa khác nhau của doanh nghiệp.
- C4.2.2. Khái quát được triết lý kinh doanh, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, quy mô và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.
- C4.2.3. Mô tả được công việc của các vị trí công tác trong doanh nghiệp, mối liên hệ giữa các vị trí công tác.
- C4.2.4. Dự đoán các cơ hội kinh doanh ở thị trường mới và lĩnh vực mới.

C4.3. HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHUYÊN NGÀNH

- C4.3.1. Khái quát sự khác biệt trong quy trình, văn hóa, và thước đo sự thành công trong các văn hóa doanh nghiệp khác nhau.
- C4.3.2. Dự đoán được các nhu cầu của khách hàng, khái quát hóa các yếu tố cấu thành bối cảnh của yêu cầu, diễn giải các mục tiêu và yêu cầu của hệ thống.
- C4.3.3. Khái quát hóa các chức năng cần thiết của hệ thống (và các điều kiện hệ thống); làm sáng tỏ được hình thức và tổ chức cấu trúc ở cấp độ cao; giải thích được sự phân tán chức năng, giao chức năng cho từng thành phần và xác định giao tiếp giữa các thành phần.
- C4.3.4. Khái quát hóa các mô hình phù hợp về hiệu quả kinh tế, giải thích các khái niệm về triển khai và vận hành; tính toán các giá trị và chi phí trong chu trình

vòng đời dự án (thiết kế, triển khai, vận hành, cơ hội,...); giải thích được sự trao đổi giữa các mục tiêu, chức năng, khái niệm và cơ cấu.

C4.3.5. Thực hiện những công việc kiểm soát chi phí, hiệu suất, và trình tự của dự án; phân tích được cấu hình quản lý và tài liệu; diễn giải thực hiện công việc so với mức chuẩn; minh họa về quy trình giá trị đạt được, nêu lý do cho việc ước lượng và phân bổ nguồn lực; nhận diện được các rủi ro và các lựa chọn thay thế, dự đoán sự phát triển các quy trình cải tiến có thể thực hiện được.

C4.4. THIẾT KẾ

C4.4.1. Minh họa các yêu cầu cho mỗi thành phần hay bộ phận được rút ra từ các mục tiêu và yêu cầu ở mức hệ thống; phát hiện các lựa chọn thay thế trong lập kế hoạch; xây dựng được kế hoạch ban đầu; áp dụng tối ưu hóa phù hợp với những ràng buộc hiện có; xây dựng được kế hoạch cuối cùng; chứng minh sự đáp ứng khi yêu cầu thay đổi.

C4.4.2. Minh họa các hoạt động trong các giai đoạn của thiết kế hệ thống (ý tưởng, thiết kế sơ bộ, và thiết kế chi tiết); áp dụng các mô hình quá trình phù hợp cho các đề án phát triển cụ thể; xây dựng quy trình cho các sản phẩm đơn lẻ, sản phẩm mềm hay sản phẩm cải tiến.

C4.4.3. Áp dụng kiến thức kinh tế và khoa học, liên hệ được mối quan hệ giữa tư duy sáng tạo và suy xét và giải quyết vấn đề; giải quyết công việc ưu tiên trong lĩnh vực.

C4.4.4. Sử dụng quy trình phù hợp.

C4.4.5. Giải thích được sự tương tác giữa các chuyên ngành.

C4.5. TRIỂN KHAI

C4.5.1. Khái quát hóa các mục tiêu và các thước đo tính năng, chi phí, chất lượng của việc triển khai.

C4.5.2. Thực hiện kế hoạch chi tiết.

C4.5.3. Tiến hành kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện kế hoạch để có những điều chỉnh kịp thời nhằm đạt kết quả tối ưu.

C4.5.4. Khái quát hóa tổ chức và cơ cấu cho việc triển khai; giải thích việc kiểm soát chi phí trong triển khai, thực hiện và tiến trình; làm sáng tỏ nguồn cung cấp,

hợp tác và dây chuyền cung ứng, làm sáng tỏ đảm bảo chất lượng và an toàn, các cải tiến có thể thực hiện được trong quá trình triển khai.

C4.6. VẬN HÀNH

C4.6.1. Diễn giải các mục tiêu và đo lường tính năng hoạt động, chi phí và giá trị của vận hành; giải thích cấu trúc và phát triển quy trình vận hành, sự phân tích và mô hình hóa vận hành.

C4.6.2. Giải thích việc huấn luyện để vận hành chuyên nghiệp, nhu cầu đào tạo cho sự vận hành từng doanh nghiệp; diễn giải các quy trình vận hành và sự tương tác của các thành phần trong hệ thống.

C4.6.3. Diễn giải tính năng và độ tin cậy của dự án, sự phản hồi để hoàn thiện dự án.

C4.6.4. Nhận dạng các rủi ro trong quá trình vận hành dự án.

C4.6.5. Dự đoán các vấn đề ở giai đoạn cuối dự án

Chức danh sau khi tốt nghiệp:

Cử nhân Quản Lý Công Nghiệp

Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

Quản lý công nghiệp được cấu thành đa dạng với mục đích thực hiện nhiều chức năng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Cơ hội nghề nghiệp của ngành đa dạng bao gồm các vị trí chính như:

- Nghiên cứu viên, giảng viên tại các trường Đại học, cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp;
- Quản đốc phân xưởng, Giám sát sản xuất;
- Kỹ sư hoạch định và lập kế hoạch sản xuất
- Kỹ sư kiểm soát/quản lý chất lượng dây chuyền sản xuất;
- Thiết kế hệ thống sản xuất, Thiết kế hệ thống thông tin quản lý;
- Quản lý sản xuất theo lean;
- Quản lý nhân sự, Quản lý dự án;
- Quản lý chất lượng sản phẩm
- Nhân viên mua hàng.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Chương trình Đào tạo ngành Quản lý công nghiệp được xây dựng gần với các chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp của một số trường Đại học ở các nước phát triển để làm tiền đề cho các dự án hợp tác quốc tế và đào tạo nâng cao về sau.

Chương trình Đào tạo ngành Quản lý công nghiệp mang tính liên ngành và tính ứng dụng cao, phù hợp với nhu cầu nhân lực quản lý kỹ thuật và công nghệ của xã hội hiện nay gần với nhu cầu của các doanh nghiệp và đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ nhằm giúp cho sinh viên có thể xin việc dễ dàng và có khả năng làm việc được ngay.

Đặc biệt chương trình chú trọng trang bị cho sinh viên khả năng giao tiếp xã hội, làm việc hợp tác, làm việc nhóm và làm việc trong một tổ chức; có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống nghề nghiệp khác nhau.

Ngoài ra, chương trình cũng được thiết kế sao cho đảm bảo đủ độ phù hợp nhất định nhằm tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu học tập chuyên sâu về các chuyên ngành Quản lý công nghiệp.

Các tài liệu, chương trình, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo

Chương trình được tham khảo theo chương trình đào tạo đại học về Quản Lý Công Nghiệp của Đại học Bách Khoa TPHCM, Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TPHCM, Đại học Illinois Univeristy, Purdue Univeristy, ...

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 4 năm với 8 học kỳ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: (bao gồm khối kiến thức chuyên ngành, GDTC, GDQP-AN, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng mềm)

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/ Tiền LS	TH Lâm sàng/ Cộng đồng
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	49			
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	29			
III	Khối kiến thức chuyên ngành	51			



IV	Khối kiến thức bổ trợ	09			
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp	15			
TỔNG CỘNG		153			

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

* Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật đến mức đình chỉ học tập.

* Tích lũy một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo theo quy định tại Quyết định 435/QĐ –HBU ngày 06/10/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng ban hành Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

* Có các Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục thể thao;

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, đánh giá học phần, thi kết thúc học phần, xét tốt nghiệp theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên theo quyết định 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định 435/QĐ

-HBU ngày 06/10/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng ban hành Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

7. Nội dung chương trình

Chương trình đào tạo Quản lý công nghiệp được thiết kế với tổng số 155 tín chỉ được phân bổ giữa các khối lượng kiến thức như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
I. Kiến thức giáo dục đại cương			40	
Lý luận chính trị			11	
1	05068	Triết học Mác-Lê nin	3(3,0,6)	
2	05069	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2(2,0,4)	
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	
4	05071	Lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam	2(2,0,4)	
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
Giáo dục quốc phòng			8	
1	02309	LT - Giáo dục Quốc phòng - An ninh	5(5,0,10)	
2	02310	TH - Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3(0,3,3)	
Giáo dục thể chất			3	
1	00044	Giáo dục thể chất 1	1(0,1,1)	
2	00045	Giáo dục thể chất 2	1(0,1,1)	
3	03066	Giáo dục thể chất 3	1(0,1,1)	
Ngoại ngữ			14	
1	02764	Intensive English-A1a	3(3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4(4,0,8)	
3	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
4	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	
Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường			10	
1	02788	Toán C	3(3,0,6)	
2	05936	Đại số tuyến tính	3(3,0,6)	

V.
 ỜNG
 HỌ
 C TẾ
 BÀN

3	04931	Vật lý 1	2(2,0,4)	
4	00008	Tin học đại cương	2(1,1,3)	
Khoa học xã hội			5	
1	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
2	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
II. Kiến thức cơ sở ngành			30	
1	04930	Xác suất thống kê trong kỹ thuật	3(3,0,6)	
2	05937	Giới thiệu ngành quản lý công nghiệp	3(3,0,6)	
3	05101	Kinh tế học đại cương	3(3,0,6)	
4	04933	Kinh tế kỹ thuật	3(3,0,6)	
5	01262	Quản trị học	3(3,0,6)	
6	05103	Kế toán đại cương	3(3,0,6)	
7	05104	Tiếp thị căn bản	3(3,0,6)	
8	05938	Hành vi tổ chức	3(3,0,6)	
9	05105	Giao tiếp trong kinh doanh	3(3,0,6)	
10	04935	Khoa học môi trường	3(3,0,6)	
III. Kiến thức chuyên ngành			51	
1	04949	Quản trị tồn kho	3(3,0,6)	
2	05944	Tài chính doanh nghiệp	3(3,0,6)	
3	05107	Phương pháp định lượng	3(3,0,6)	
4	04966	Kỹ thuật dự báo	3(3,0,6)	
5	05108	Lập trình đại cương	3(1,2,4)	

6	02707	Đạo đức kinh doanh	3(3,0,6)	
7	04950	Quản lý chất lượng	3(3,0,6)	
8	04940	Quản lý sản xuất	3(3,0,6)	
9	04958	Quản lý dự án	3(3,0,6)	
10	05109	Hệ thống thông tin quản lý	3(3,0,6)	
Môn tự chọn			21	
E1		Định hướng sản xuất		
1	05939	Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng	3(2,1,5)	
2	05111	Quản lý sản xuất theo Lean và JIT	3(3,0,6)	
3	05112	Quản lý công nghệ	3(3,0,6)	
4	04937	Những nguyên lý của Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3(3,0,6)	
5	05113	Quản lý bảo trì	3(3,0,6)	
6	05114	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	3(2,1,5)	
7	04968	Quản trị mua hàng	3(3,0,6)	
8	04960	Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu	3(3,0,6)	
9	05115	Kiểm soát chất lượng	3(3,0,6)	
E2		Định hướng Quản lý		
1	04969	Các nguyên lý trong quản lý nhân sự	3(3,0,6)	
2	04967	Kỹ năng lãnh đạo	3(3,0,6)	

3	05116	Giải quyết vấn đề quản lý	3(3,0,6)	
4	04952	Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo	3(3,0,6)	
5	05117	Chuỗi cung ứng bền vững	3(3,0,6)	
6	01158	Quản trị chiến lược	3(3,0,6)	
7	05940	Thương mại điện tử	3(3,0,6)	
8	04928	Khởi nghiệp	3(3,0,6)	
9	04965	Quản trị rủi ro	3(3,0,6)	
IV. Kiến thức bổ trợ			6	
1	04812	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3(3,0,6)	
2	05941	Tiếng Anh giao tiếp	3(3,0,6)	
V. Thực tập, khóa luận/ luận văn tốt nghiệp			15	
1	05942	Thực tập 1	2(0,2,2)	
2	05943	Thực tập 2	3(0,3,3)	
3	04970	Luận văn tốt nghiệp	10(10,0,20)	
Tổng số tín chỉ			153	

Hệ thống môn tiên quyết, môn học trước:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Môn tiên quyết
1	05109	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học đại cương
2	04958	Quản lý dự án	Thống kê
3	04949	Quản trị tồn kho	Thống kê
4	05939	Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng	Thống kê
5	05943	Thực tập 2	Thực tập 1
6	04970	Luận văn tốt nghiệp	Thực tập 2

* Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm tại trường; 80 giờ thực hành nghề nghiệp, 40 giờ viết khóa luận tốt nghiệp.

* Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

8. Khung chương trình

8.1. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công nghiệp chính qui được phân bổ thành 8 học kỳ (4 năm), mỗi năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Kế hoạch giảng dạy các học phần của các học kỳ trong toàn khoá học phải đảm bảo tính hệ thống và logic của khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tổ chức giảng dạy phải hợp lý đảm bảo đủ khối lượng kiến thức đã quy định trong chương trình và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
HỌC KỲ 1			19	
Nhóm A			7	
1	02764	Intensive English-A1a	3(3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4(4,0,8)	
Nhóm B			7	
1	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
2	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	
Nhóm C			7	
1	02768	Intensive English-B1a	4(4,0,8)	
2	02769	Intensive English-B1b	3(3,0,6)	
3	02788	Toán C	3(3,0,6)	
4	04930	Xác suất thống kê trong kỹ thuật	3(3,0,6)	
5	01262	Quản trị học	3(3,0,6)	
6	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
HỌC KỲ 2			21	
Nhóm A			7	
1	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
2	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	

	Nhóm B		7	
1	02768	Intensive English-B1a	3(3,0,6)	
2	02769	Intensive English-B1b	4(4,0,8)	
	Nhóm C		7	
1	02770	Intensive English-B1c	4(4,0,8)	
2	04805	Intensive English-B1+	3(3,0,6)	
3	05937	Giới thiệu ngành quản lý công nghiệp	3(3,0,6)	
4	04931	Vật lý 1	2(2,0,4)	
5	05936	Đại số tuyến tính	3(3,0,6)	
6	05101	Kinh tế học đại cương	3(3,0,6)	
7	04933	Kinh tế kỹ thuật	3(3,0,6)	
	HỌC KỲ HÈ 1		8	
1	02309	LT - Giáo dục Quốc phòng - An ninh	5(5,0,10)	
2	02310	TH - Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3(0,3,3)	
	HỌC KỲ 3		14	
1	05103	Kế toán đại cương	3(3,0,6)	
2	05104	Tiếp thị căn bản	3(3,0,6)	
3	00008	Tin học đại cương	2(1,1,3)	
4	04935	Khoa học môi trường	3(3,0,6)	
5	05941	Tiếng Anh giao tiếp	3(3,0,6)	
	HỌC KỲ 4		13	
1	05938	Hành vi tổ chức	3(3,0,6)	
2	05105	Giao tiếp trong kinh doanh	3(3,0,6)	
3	04949	Quản trị tồn kho	3(3,0,6)	
4	05942	Thực tập 1	2(0,2,2)	
5	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
	HỌC KỲ HÈ 2		3	
1	00044	Giáo dục thể chất 1	1(0,1,1)	
2	00045	Giáo dục thể chất 2	1(0,1,1)	
3	03066	Giáo dục thể chất 3	1(0,1,1)	
	HỌC KỲ 5		21	
1	04940	Quản lý sản xuất	3(3,0,6)	
2	04812	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3(3,0,6)	
3	05068	Triết học Mác-Lê nin	3(3,0,6)	
		Môn tự chọn	12(9,0,18)	

C
RƯỢ
AI H
ƯỚC
NGI
★

1	05939	Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng	3(2,1,5)	
2	05111	Quản lý sản xuất theo Lean và JIT	3(3,0,6)	
3	05112	Quản lý công nghệ	3(3,0,6)	
4	04937	Những nguyên lý của Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3(3,0,6)	
5	04969	Các nguyên lý trong quản lý nhân sự	3(3,0,6)	
6	04967	Kỹ năng lãnh đạo	3(3,0,6)	
7	05116	Giải quyết vấn đề quản lý	3(3,0,6)	
8	04952	Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo	3(3,0,6)	
HỌC KỲ 6			19	
1	05944	Tài chính doanh nghiệp	3(3,0,6)	
2	05107	Phương pháp định lượng	3(3,0,6)	
3	04966	Kỹ thuật dự báo	3(3,0,6)	
4	05108	Lập trình đại cương	3(1,2,4)	
5	02707	Đạo đức kinh doanh	3(3,0,6)	
6	05069	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2(2,0,4)	
7	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	
HỌC KỲ HÈ 3			3	
1	05943	Thực tập 2	3(0,3,3)	
HỌC KỲ 7			22	
1	04950	Quản lý chất lượng	3(3,0,6)	
2	04958	Quản lý dự án	3(3,0,6)	
3	05109	Hệ thống thông tin quản lý	3(3,0,6)	
4	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
5	05071	Lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam	2(2,0,4)	
		Môn tự chọn	9(9,0,18)	
1	05113	Quản lý bảo trì	3(3,0,6)	
2	05114	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	3(2,1,5)	
3	04968	Quản trị mua hàng	3(3,0,6)	
4	04960	Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu	3(3,0,6)	
5	05115	Kiểm soát chất lượng	3(3,0,6)	
6	05117	Chuỗi cung ứng bền vững	3(3,0,6)	
7	01158	Quản trị chiến lược	3(3,0,6)	
8	05940	Thương mại điện tử	3(3,0,6)	
9	04928	Khởi nghiệp	3(3,0,6)	

10	04965	Quản trị rủi ro	3(3,0,6)	
HỌC KỲ 8			10	
1	04970	Luận văn tốt nghiệp	10(10,0,20)	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			153	

8.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công nghiệp chính qui của Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- Luật Giáo dục năm 2005 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá X thông qua ngày 14/06/2005; Sửa đổi một số điều tháng 11/2009;
- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Quốc dân;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia;
- Văn bản Hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Quyết định 435/QĐ –HBU ngày 06/10/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng ban hành Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Chương trình được xây dựng dựa trên năng lực và được tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, giảm số giờ thuyết trình, dành thời gian thích hợp cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành kỹ năng nghề nghiệp.

❖ Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học theo các quy định tại Văn bản Hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Dạy học kiến thức



Với phương châm dạy học lấy người học làm trung tâm, các tín chỉ dạy học lý thuyết được tổ chức dạy học ở trường. Sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của từng học phần trong Đề cương chi tiết học phần và giáo trình kèm theo. Giáo viên phải chuẩn bị tài liệu và tài liệu tham khảo phong phú để sinh viên có nguồn tài liệu học tập. Nội dung dạy học kiến thức được truyền tải chủ yếu qua các tình huống thực tế, tạo tiền đề tốt cho sinh viên hình thành kỹ năng ngay từ các bài học kiến thức.

Tổ chức thực hành nghề nghiệp

Thực hành nghề nghiệp là một hoạt động chiếm vị trí quan trọng trong quá trình đào tạo. Chất lượng thực tập phản ánh chất lượng đào tạo, rèn luyện nghề nghiệp của nhà trường và đồng thời thể hiện ở sinh viên sự vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được thầy cô truyền đạt vào thực tế.

Mục tiêu:

- Củng cố những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị, tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên.
- Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành.
- Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

Yêu cầu:

- Chấp hành nghiêm túc các qui định, chế độ bảo mật của đơn vị mà sinh viên đến thực hành nghề nghiệp.
- Sinh viên phải khiêm tốn, hòa đồng cùng với CBNV tại đơn vị thực tập và với các bạn đồng học.
- Tích cực nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ thực tế tại đơn vị.
- Quá trình thực hành, sinh viên phải ghi chép đầy đủ nội dung vào nhật ký.
- Kết thúc đợt thực hành, sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực hành nghề nghiệp.



❖ Phương pháp dạy/học

- Lấy người học làm trung tâm, coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, giảng viên hướng dẫn, giám sát và tổ chức dạy học hiệu quả.
- Sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập, chủ động học tập theo phương thức “Trải nghiệm”; tăng cường làm việc nhóm; tăng cường tự lượng giá và lượng giá thường xuyên, hiệu quả.

❖ Đánh giá sinh viên

Hình thức đánh giá, số lần kiểm tra định kỳ và trọng số mỗi hình thức lượng giá được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần đã được Hiệu trưởng phê duyệt và được công bố cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.

❖ Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp

Làm khóa luận tốt nghiệp

- Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp:

- + Sinh viên đã hoàn thành và đạt tất cả các học phần (trừ thực tập tốt nghiệp) tính đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.
- + Sinh viên đạt điểm trung bình trung học tập (theo kết quả thi lần đầu từ 2.80 trở lên tính đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp).
- + Số lượng: hàng năm Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tùy thuộc vào điều kiện hiện có về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên lấy từ cao nhất trở xuống, nhưng không vượt quá 15% tổng số sinh viên toàn khóa.

- Chủ đề làm khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được chọn một trong các chủ đề về Quản lý công nghiệp phù hợp với định hướng và mong muốn nghề nghiệp sau khi ra trường để làm khóa luận tốt nghiệp. Danh sách các chủ đề do Hiệu trưởng quyết định tùy thuộc vào điều kiện về cơ sở thực hành, cán bộ hướng dẫn hiện có.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Chấm khóa luận tốt nghiệp theo qui chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và qui định của Nhà trường.

TR
ĐA
QU
HỒN

❖ **Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo**

Đội ngũ giảng viên

- Giảng viên giảng dạy cử nhân Quản lý công nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giảng dạy lý thuyết và thực hành tại phòng thí nghiệm tại trường do giảng viên cơ hữu thực hiện.

- Thực hành nghề nghiệp và cộng đồng: giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng thực hiện.

Cơ sở vật chất

- Cơ sở đào tạo bảo đảm cơ sở vật chất theo qui định như: giảng đường, thư viện, phòng máy tính thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực.

9. Mô tả vắn tắt nội dung các môn học

❖ **Tư duy biện luận**

Tư duy phản biện nghiên cứu một quá trình không thể thiếu đối với tất cả những người có học - quá trình chúng ta phát triển và hỗ trợ niềm tin của mình và đánh giá sức mạnh của những lập luận do người khác đưa ra trong các tình huống thực tế. Nó bao gồm thực hành về lý luận quy nạp và suy diễn, trình bày các lập luận dưới dạng nói và viết, và phân tích việc sử dụng ngôn ngữ để tác động đến suy nghĩ. Khóa học cũng áp dụng quy trình lý luận cho các lĩnh vực khác như kinh doanh, khoa học, luật pháp, khoa học xã hội, đạo đức và nghệ thuật.

❖ **Xác suất thống kê trong kỹ thuật**

Các vấn đề về xác suất trong kỹ thuật, xác suất có điều kiện, các phân bố ngẫu nhiên rời rạc và liên tục, kỹ thuật lấy mẫu, ước tính khoảng tin cậy, kiểm tra giả thuyết, phân tích phương sai, mô hình hồi quy và thử nghiệm không tham số.

❖ **Quản lý sản xuất**

Giới thiệu về những hệ thống vận hành và sản xuất. Hoạch định sản xuất và kiểm soát trong việc ra quyết định. Dự báo. Hoạch định sản xuất tổng thể. Hoạch định năng lực. Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu. Những cách tiếp cận và kỹ thuật tiên tiến trong hoạch định sản xuất hiện đại và kiểm soát cho thiết kế những hệ thống sản xuất.

❖ **Những nguyên lý của logistics và quản lý chuỗi cung ứng**

Đây là môn học giới thiệu về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (SCM). Nó cung cấp một cái nhìn tổng quan về các khái niệm cơ bản, quy trình kinh doanh và các mô hình / công cụ. Mục tiêu của môn học này là xác định các vấn đề, vấn đề và chiến lược trong hoạt động của chuỗi cung ứng hiện nay thông qua các trường hợp thực tế. Mô hình phân tích và các công cụ kỹ thuật được giới thiệu khi cần thiết. Khóa học này kết

hợp kiến thức kinh doanh SCM với tư duy phân tích và xác định vai trò của SCM so với các ngành kinh doanh khác. Nó phục vụ như một nền tảng cho các môn học chuyên sâu hơn về các chủ đề liên quan.

❖ **Kinh tế kỹ thuật**

Các quyết định kinh tế liên quan đến các phương án kỹ thuật; chi phí hàng năm, giá trị hiện tại và tương lai của dòng tiền, tỷ suất lợi nhuận; hiệu quả kinh tế trước và sau thuế; tài chính tổ chức; biểu đồ hòa vốn; nghiên cứu đơn vị và chi phí tối thiểu lĩnh vực đầu tư công.

❖ **Kỹ thuật mô hình hóa & mô phỏng**

Mô hình hóa, phân tích các hệ thống dịch vụ và công nghiệp, đặc biệt là hệ thống Logistics và chuỗi cung ứng. Phát triển các mô hình mô phỏng rời rạc và liên tục sử dụng phần mềm ARENA/SIMAN.

❖ **Quản lý chất lượng**

Giới thiệu về các nguyên tắc quản lý chất lượng, tập trung vào giải quyết vấn đề đa chức năng. Môn học này sẽ cung cấp hiểu biết cơ bản về triết học, khung khái niệm và các công cụ phục vụ cho quản lý chất lượng toàn diện.

❖ **Khoa học môi trường**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cũng như nguyên lý kỹ thuật cần thiết cho các ngành kỹ thuật. Môn học giới thiệu đến sinh viên các trạng thái của môi trường như các dạng ô nhiễm và các công nghệ xử lý ở mức độ cơ bản.

❖ **Kỹ thuật dự báo**

Môn học cung cấp một cách tổng quan về các khái niệm cơ bản về: Xây dựng và đặc điểm kỹ thuật của các mô hình dự báo; Thu thập, giải thích, sắp xếp và phân tích dữ liệu để xây dựng các mô hình dự báo; Khái niệm xác suất và thống kê cơ bản được sử dụng trong dự báo; Sự tồn tại của hệ thống phân cấp cho các mô hình dự báo; Việc sử dụng phần mềm kinh tế lượng trong phòng thí nghiệm

❖ **Hành vi Tổ chức**

Môn học này nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm, tổ chức nhằm mục đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn. Môn học sẽ giúp sinh viên hiểu được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng như phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào.

❖ **Quản lý dự án**

Môn học này được phát triển để cung cấp khái niệm chính về quản lý dự án, được đặc trưng bởi cơ quan quản lý dự án. Hướng dẫn này nhấn mạnh năm nhóm quy trình dự án: khởi xướng, lập kế hoạch, thực hiện, kiểm soát và đóng dự án, và các lĩnh vực kiến thức về tích hợp dự án, phạm vi, thời gian, chi phí, chất lượng, nguồn nhân lực, truyền thông, rủi ro và quản lý mua sắm.

❖ Kỹ năng lãnh đạo

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng quản lý các nguồn tri thức quý giá của họ và mọi người trong các tổ chức. SV sẽ được dạy kinh nghiệm và quy trình kiến thức giúp giữ được nhu cầu của ngành công nghiệp liên tục. Khóa học này tập trung vào định nghĩa các lý thuyết lãnh đạo như sau: phong cách lãnh đạo, cách tiếp cận đặc điểm, cách tiếp cận phong cách, cách tiếp cận tình huống, lý thuyết dự phòng, lý thuyết mục tiêu con đường, mô tả lãnh đạo chuyển đổi, lý thuyết lãnh đạo nhóm, phương pháp tâm lý học, phụ nữ và lãnh đạo. Đây là những điều cần thiết cho các nhà lãnh đạo trong thành công trong sự nghiệp của họ.

❖ Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu

Ra quyết định là một trong những phần quan trọng trong lĩnh vực vận trù học hoặc khoa học quản lý. Kỹ thuật ra quyết định giúp quản lý lựa chọn phương án tốt nhất dựa trên các tiêu chí định lượng. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng mô hình quyết định giúp họ có thể đưa ra quyết định dựa trên kết quả của các mô hình. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cụ thể cho các ứng dụng thực tế trong sản xuất và dịch vụ.

❖ Quản trị nhân sự

Môn học này nghiên cứu các tác động của việc thay đổi về xã hội, pháp lý, kinh tế, đạo đức, chính trị, chiến lược và môi trường. Môn học cũng nghiên cứu các khó khăn và sự phát triển đối với các quy trình, thực tiễn, chương trình và chính sách trong quản lý nguồn nhân lực.

❖ Lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của Đảng và những nội dung đường lối của Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Do đó, nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

❖ Chủ nghĩa xã hội khoa học

Căn cứ vào mục đích môn học, nội dung chương trình môn Chủ nghĩa xã hội được cấu trúc thành 7 chương. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề về: Sự mệnh lịch



sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình.

❖ **Triết học Mác-Lê nin**

Căn cứ vào mục đích môn học, nội dung chương trình môn triết học Mác - Lênin được cấu trúc thành 3 chương. Giúp sinh viên nắm được triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử.

❖ **Kinh tế chính trị Mác-Lê nin**

Căn cứ vào mục đích môn học, nội dung chương trình môn kinh tế chính trị Mác - Lênin được cấu trúc thành 6 chương. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản nhất về hàng hóa, thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế hàng hóa, công nghiệp hóa hiện đại hóa, hội nhập của Việt Nam.

❖ **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có 6 chương, nội dung bàn về khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh, nguồn gốc hình thành, các giai đoạn phát triển, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu và những nội dung tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có mối quan hệ mật thiết với môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

❖ **Pháp luật đại cương**

Phần đầu học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Sau khi học xong phần lý luận, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề chung nhất về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật hiến pháp, Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự, Luật Thương mại, Luật lao động...

❖ Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo

Mô tả: Môn học nhằm giới thiệu lịch sử, các vấn đề và lĩnh vực của Trí tuệ Nhân tạo, và cung cấp các phương pháp luận và ngôn ngữ nền tảng để máy tính có thể giải quyết các bài toán mà con người giải được, bao gồm:

- Lịch sử, các vấn đề và lĩnh vực của Trí tuệ Nhân tạo.
- Tìm kiếm theo kinh nghiệm.
- Biểu diễn và suy luận tri thức cơ bản.
- Chơi trò chơi.
- Lập kế hoạch.
- Mạng Bayes. Tập hợp mờ và logic mờ.
- Học máy.

❖ Toán C

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về toán học và các phương pháp liên quan sử dụng trong kinh doanh và quản lý. Bao gồm: lý thuyết và khái niệm giải tích, hàm đơn biến và đa biến, đại số tuyến tính cơ bản và ứng dụng trong quản lý, kinh doanh, kinh tế và tài chính.

❖ Đại số tuyến tính

Cung cấp kiến thức toán học cơ bản về môn Đại số tuyến tính như: Hệ phương trình tuyến tính, Ma trận, Định thức, Không gian vectơ R^n .

❖ Vật lý 1

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: Đại lượng đặc trưng cho chuyển động. Nguyên nhân làm biến đổi chuyển động: tịnh tiến và quay. Sự bảo toàn và biến hóa năng lượng: vận động cơ và nhiệt. Trường tĩnh điện và trường tĩnh từ là các dạng vật chất tồn tại trong không gian theo thời gian; chúng có năng lượng, và chuyển hóa cho nhau, quan hệ mật thiết.

❖ Tin học đại cương

Môn học bao gồm 3 phần: Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Office Word; Làm việc trên bảng tính với phần mềm Microsoft Office Excel và Giới thiệu hệ thống Email hiu.edu.vn và bộ Office 365

Phần Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Office Word đề cập đến các thao tác cơ bản để tạo ra một văn bản, soạn thảo và trình bày văn bản. Đưa ra các phiên bản và sự khác nhau giữa các phiên bản word hiện tại.

Phần làm việc với bảng tính Microsoft Office Excel chúng tôi đề cập đến các thao tác tạo lập bảng tính, cách sử dụng một số hàm tính toán thông dụng (các hàm mặc

nhiên có sẵn trong Excel) còn các hàm bổ sung (các hàm phải Add-Ins) sẽ không được trình bày do không phù hợp với đối tượng sinh viên chung trong toàn trường.

Phần Giới thiệu hệ thống Email của nhà trường chúng tôi sẽ giới thiệu đến sinh viên hệ thống email và các ứng dụng hữu ích của hệ thống mail hui. Giới thiệu xu hướng làm việc Online và các chức năng làm việc Online của office 365.

❖ Giới thiệu ngành quản lý công nghiệp

Học phần giới thiệu phương pháp để hoàn thành tốt chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận web để tra cứu tài liệu, giới thiệu tóm tắt nội dung các môn học bắt buộc và định hướng cho sinh viên chọn học những môn học tự chọn phù hợp với chuyên môn sâu của ngành, điều kiện và môi trường làm việc, cơ hội nghề nghiệp, nơi làm việc,...

❖ Kinh tế học đại cương

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và kinh tế học vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc gia. Trang bị cho học viên các khái niệm cơ bản của kinh tế học như: Lý thuyết cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết về hành vi sản xuất và tiêu dùng, lý thuyết xác định sản lượng quốc gia, tổng cung, tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống chính sách tiền tệ cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia,...

❖ Quản trị học

Học phần cung cấp những khái niệm về quản trị, sự phát triển của các tư tưởng quản trị, các chức năng chính về quản trị như: quyết định, hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản trong Quản trị học đại cương, giúp sinh viên hiểu và biết cách tham gia vào các hoạt động quản trị đang diễn ra trong tổ chức. Ngoài ra, môn Quản trị học đại cương còn làm nền tảng hỗ trợ cho việc học và nghiên cứu tiếp các chuyên môn quản trị như: Hành vi tổ chức, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự, Quản trị chất lượng,....

❖ Kế toán đại cương

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán như các khái niệm, những nguyên tắc kế toán, cách ghi sổ sách kế toán cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần còn giúp

54
TR
ĐẠI
QU
HỒI

sinh viên có khả năng lập và đọc bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá thành sản phẩm. Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc học tiếp các môn kế toán chuyên sâu và môn tài chính doanh nghiệp.

❖ **Tiếp thị căn bản**

“Tiếp thị căn bản” là môn học được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của tiếp thị, các kỹ thuật và các ứng dụng của những kỹ thuật đó trong tiếp thị. Môn học tập trung vào việc phát triển những kỹ năng tiếp thị và hiểu biết về vai trò định hướng chiến lược của tiếp thị trong tổ chức kinh doanh, bao gồm việc tiếp cận khách hàng, phân tích thị trường và thị trường mục tiêu, phân tích tính khả thi của chiến lược, sản phẩm, chiêu thị, các kênh phân phối, giá cả, tiếp thị quốc tế và sử dụng công nghệ trong tiếp thị.

❖ **Giao tiếp trong kinh doanh**

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các hoạt động giao tiếp, các phương tiện giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cũng như sự vận dụng các kỹ năng này trong thực tiễn.

❖ **Quản trị tồn kho**

Môn học cung cấp cho sinh viên các mô hình quản trị tồn kho trong môi trường bất định của nhu cầu (demand) và thời gian (leadtime). Đặc điểm của các chính sách kiểm soát tồn kho đơn mục tiêu và đa mục tiêu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các mô hình tính toán tối ưu trong quản lý hàng tồn kho.

❖ **Tài chính doanh nghiệp**

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thị trường tài chính, tổ chức tài chính doanh nghiệp, kiến thức quản lý vốn lưu động, vốn cố định của doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức cho học viên để hoạch định chi phí, giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp cũng như việc hoạch định tài chính. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị các phương pháp để đánh giá phương án thuê mua, định giá doanh nghiệp.

❖ **Phương pháp định lượng**

Học phần cung cấp cho sinh viên một số phương pháp định lượng cơ bản dùng trong quản lý như: Quy hoạch tuyến tính, Bài toán vận tải, Bài toán ra quyết định, Lập

G
U
C
I
H
O
C
G
E
*

lịch trình dự án. Ngoài ra, môn học này cũng trang bị các mô hình toán học được ứng dụng vào những tình huống kinh doanh. Các mô hình này được chọn vì có thể áp dụng được cho nhiều lĩnh vực như: sản xuất, kinh doanh, tài chính và tiếp thị. Việc sử dụng phần mềm Lingo và Excel để giải các bài toán được chú ý thích đáng.

❖ **Lập trình đại cương**

Học phần này giới thiệu về lập trình cơ bản – bao gồm các loại dữ liệu, cấu trúc kiểm soát, phát triển thuật toán, và lập trình phần mềm cơ bản - sử dụng ngôn ngữ lập trình Python. Học phần này sẽ giới thiệu những nguyên tắc cơ bản của Lập trình hướng đối tượng (Object-Oriented Programming), cùng với những kỹ thuật xử lý và phân tích dữ liệu. Sinh viên sẽ học cách giải quyết vấn đề, trải nghiệm những thách thức của việc phát triển phần mềm thực tế, và tạo ra những phần mềm có tính ứng dụng thực tiễn.

❖ **Đạo đức kinh doanh**

Môn học được thiết kế để phát triển tư duy của sinh viên về các vấn đề đạo đức của hoạt động kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu. Sinh viên sẽ nghiên cứu các học thuyết về đạo đức và công lý trong kinh doanh, cùng với mối liên hệ của chúng với xã hội đa tôn giáo, đa văn hóa; đồng thời tự phản ánh sự phát triển về mặt đạo đức của bản thân thông qua phân tích các vấn đề hành vi đạo đức và phi đạo đức trong kinh doanh.

❖ **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần này sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, hướng giải quyết vấn đề, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu.

❖ **Hệ thống thông tin quản lý**

Sinh viên sẽ được tiếp cận một cách có hệ thống với những thành phần công nghệ cơ bản cấu thành Hệ thống thông tin quản lý và những loại hình hệ thống thông tin có trong thực tiễn dưới góc độ của các nhà quản lý.

❖ **Quản lý sản xuất theo Lean và JIT**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết lý sản xuất Lean & Just in time, một triết lý sản xuất phổ biến hiện nay trên toàn thế giới với mục tiêu làm tăng khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp bằng cách rút ngắn chu trình sản xuất, loại bỏ các hoạt động phụ không cần thiết, các lãng phí, đáp ứng đúng thời điểm nhu cầu của khách hàng, thị trường.



❖ Quản lý công nghệ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về công nghệ và những vấn đề liên quan đến quản lý công nghệ. Là công cụ giúp sinh viên tiếp cận và tiếp thu những kiến thức nền tảng nhất. Là học phần tiên quyết của học phần chuyển giao công nghệ.

❖ Quản lý bảo trì

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về độ tin cậy và khả năng sẵn sàng của máy móc, thiết bị. Giới thiệu các phương pháp bảo trì mới và các hệ thống quản lý bảo trì. Các kỹ thuật để quyết định đầu tư thiết bị, những tài sản giá trị và quản lý phụ tùng thay thế và cách thức để phân tích và lựa chọn hệ thống bảo trì phù hợp.

❖ Nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy trình phát triển sản phẩm, các phương pháp hướng dẫn thiết kế từ giai đoạn xác định nhiệm vụ thiết kế cho đến khi lựa chọn được ý tưởng cho sản phẩm (quyết định nên phát triển sản phẩm nào; lập kế hoạch phát triển sản phẩm; nhận biết nhu cầu khách hàng; xác định các yêu cầu kỹ thuật; xây dựng và đánh giá lựa chọn ý tưởng; thử nghiệm ý tưởng); đồng thời nâng cao khả năng làm việc theo nhóm vì mục tiêu phát triển sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khách hàng với chi phí thấp.

❖ Quản trị mua hàng

Khóa học này sẽ đề cập đến vai trò của quản lý mua sắm trong thế giới kinh doanh bằng cách cung cấp lý thuyết cơ bản và các công cụ thực tế của quy trình mua sắm và quản lý hợp đồng khi các dự án được hoàn thành bằng cách sử dụng nhà thầu và các nguồn lực bên ngoài. Khóa học sẽ giúp sinh viên hiểu được quy trình mua sắm và quản lý hợp đồng hiệu quả để dự án có thể hoàn thành thành công.

❖ Kiểm soát chất lượng

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về kiểm soát chất lượng sản xuất và dịch vụ bằng phương pháp thống kê từ những nguyên lý cơ bản đến những nguyên lý hiện đại. Cung cấp kiến thức về phương pháp đánh giá chất lượng và năng lực của quá trình sản xuất theo phương pháp thống kê. Có kiến thức về thiết kế, xây dựng mô hình theo dõi quá trình sản xuất, nhằm mục đích đảm bảo và nâng cao chất lượng.

❖ Giải quyết vấn đề quản lý

Học phần giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, ... để giải quyết các vấn đề cơ bản từ đó giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu rõ các kỹ năng cần thiết khi giải quyết các vấn đề thực từ lý thuyết đến thực tiễn như một kỹ năng rất cần thiết & có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển sự nghiệp sau này.

❖ Chuỗi cung ứng bền vững

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thách thức của phát triển bền vững và cơ hội mà nó mang lại cho các chuỗi cung ứng hiện đại. Sinh viên sẽ nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới việc áp dụng các chiến lược phát triển bền vững. Môn học sẽ đề cập tới các vấn đề như: khái niệm và các khuôn mẫu phát triển bền vững, sự nóng lên toàn cầu, luật môi trường, thiết kế sản phẩm bền vững, năng lượng tái tạo, chuỗi cung ứng đóng...

❖ Quản trị chiến lược

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược được vận dụng trong lĩnh vực kinh doanh.

❖ Thương mại điện tử

Giới thiệu tổng quan về thương mại điện tử: các khái niệm cơ bản, các mô hình TMĐT, cơ sở hạ tầng và các vấn đề liên quan khác. Các công nghệ phát triển TMĐT và phương pháp xây dựng website thương mại điện tử. Các vấn đề liên quan đến an toàn TMĐT và các giải pháp an toàn TMĐT.

❖ Khởi nghiệp

Khóa học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên các nội dung như

- Bản chất và tầm quan trọng của tinh thần khởi nghiệp;
- Các hình thức khởi nghiệp;
- Quy trình khởi nghiệp;
- Tư duy khởi nghiệp;
- Tính sáng tạo, ý tưởng và đổi mới;
- Sàng lọc các cơ hội kinh doanh;
- Xác định các nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp;

TRU
AI
QUỐ
IÔNG

- Vấn đề sở hữu trí tuệ; tiếp cận tài chính và các nguồn lực khác;
- Đội ngũ doanh nhân;
- Đánh giá rủi ro;
- Cơ cấu và đạo đức kinh doanh;
- Chiến lược kinh doanh;
- Tìm kiếm và tiếp cận khách hàng và đổi mới tiếp thị;
- Lập kế hoạch khả thi.

❖ Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là môn học bao gồm nhiều nội dung như nhận dạng rủi ro, phân tích rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro,... Trong học phần này, nội dung chủ yếu là tập trung nhiều về phân tích nguy cơ có thể xảy ra rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro, cách khắc phục khi rủi ro xảy ra trong doanh nghiệp,... Quản trị rủi ro nhằm nâng cao lý thuyết, phương pháp phân tích và quản lý rủi ro trong kinh doanh. Vận dụng tính toán và đề xuất biện pháp quản lý rủi ro trong doanh nghiệp

Để có thể thực hiện được nội dung phân tích trên, sinh viên sẽ được giới thiệu về nguyên tắc và cách thức nhận dạng, đánh giá rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro, phân tích tác động của rủi ro về tài sản, về nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.

Ngoài ra, các vấn đề về phân phối xác suất xảy ra các sự kiện, phân tích hiểm họa và tổn thất, các công cụ kỹ thuật kiểm soát rủi ro,... cũng là nội dung được giảng dạy trong học phần này.

❖ Thực tập 1

Học phần Thực tập 1 được thiết kế nhằm hỗ trợ cho kiến thức lý thuyết bằng các nội dung thực hành. Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội ứng dụng kiến thức và kỹ năng đã học của chuyên ngành Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp.

Thực tập 1 được tiến hành tại các tổ chức, công ty (bao gồm các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, và doanh nghiệp tư nhân). Độ dài tối thiểu của kỳ thực tập này là 15 ngày làm việc (bao gồm 5 ngày tham quan nhà máy, 5 ngày viết báo cáo, và 5 ngày để nhận sự chấp thuận của giám sát viên thực tập). Trong tất cả các trường hợp bao gồm sinh viên tự tìm kiếm tổ chức thực tập hay được hỗ trợ tìm kiếm vị trí thực tập bởi giảng viên hướng dẫn hay các giảng viên khác, sinh viên phải thông báo cho giảng viên hướng dẫn nếu có bất kỳ vấn đề gì trong kỳ thực tập. Giảng viên hướng dẫn có thể can thiệp hợp lý hoặc chuyển sinh viên tới thực tập tại tổ chức khác.

❖ Thực tập tốt nghiệp (Thực tập 2)

Khóa học này cung cấp cho sinh viên những kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết cho một kỹ sư, bao gồm phân tích kỹ thuật và giải quyết vấn đề, thử nghiệm và chứng minh giả thuyết dựa trên kết quả thực nghiệm, khả năng suy nghĩ sáng tạo, khả năng đánh giá vấn đề kỹ thuật trong thực tế vận hành.

❖ Luận văn tốt nghiệp

Các công trình nghiên cứu luận văn được thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc nhiều giảng viên. Mục đích của khóa học giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học một cách có hệ thống để giải quyết các vấn đề. Chủ đề, bao gồm lý thuyết, nghiên cứu hoặc ứng dụng thực tế, sẽ được đề xuất bởi giảng viên hoặc sinh viên, và phải được sự đồng ý của Chủ Nhiệm Bộ Môn.

